

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 128/BC-CP

*Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2021***BÁO CÁO****Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng giai đoạn 2021 - 2030**

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã xác định cải cách hành chính là một trong những khâu đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước giai đoạn 2011 - 2020. Để tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, trên cơ sở tổng kết những kết quả đạt được, nhận định thẳng thắn tồn tại, hạn chế của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 (gọi tắt là Chương trình tổng thể).

Quá trình thực hiện cải cách hành chính thời gian qua, gắn với triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước ta. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (Ban Chỉ đạo); các bộ, ngành, địa phương đã tiến hành tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể nhằm đánh giá những kết quả đạt được, đồng thời, chỉ ra những tồn tại, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà

nước giai đoạn 2021 - 2030. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là các bộ, ngành) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các tỉnh), Chính phủ báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

A. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Sau khi Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 được ban hành, các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương tới chính quyền địa phương các cấp đã triển khai thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Hàng năm, Chính phủ, Ban Chỉ đạo đã đề ra các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính mang tính toàn diện, đồng bộ và chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương xây dựng, triển khai kế hoạch cải cách hành chính một cách thiết thực, cụ thể, phù hợp với Chương trình tổng thể và thực tiễn của các bộ, ngành, các tỉnh. Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều văn bản chỉ đạo, quán triệt các bộ, ngành, địa phương xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, là giải pháp quan trọng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội

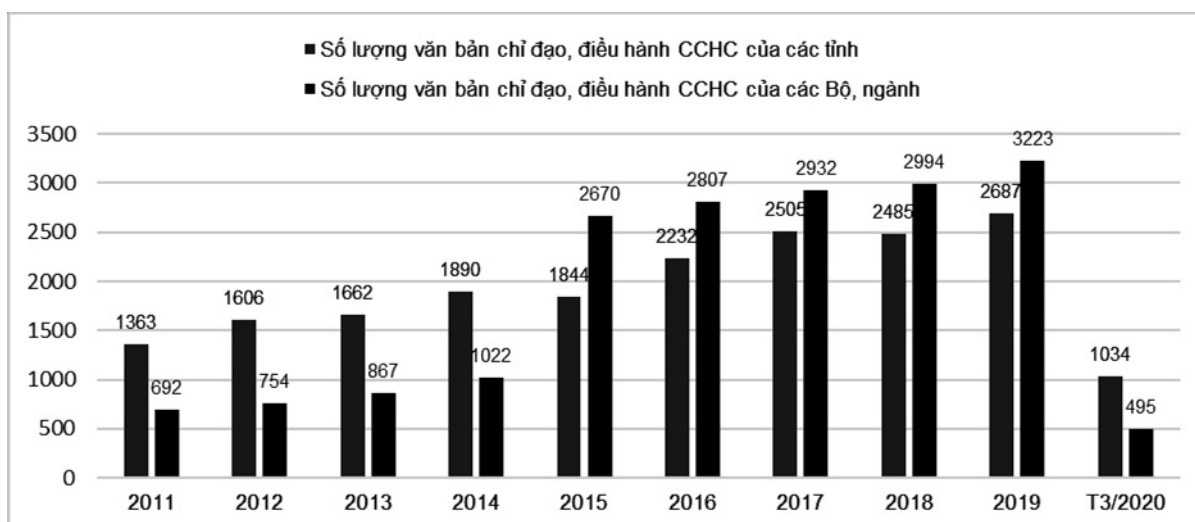
vụ là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đã tăng cường kết nối, phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính. Ban Chỉ đạo đã kịp thời giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách hành chính; tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá, xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác cải cách hành chính.

Bộ Nội vụ, cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đã tăng cường công tác tham mưu, xây dựng chương trình, kế hoạch cải cách hành chính, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện cải cách hành chính một cách đồng bộ, thống nhất; đồng thời, ban hành và tổ chức thực hiện một số công cụ mới để theo dõi, đánh giá công tác cải cách hành chính của các bộ, ngành và địa phương, như Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) được Bộ Nội vụ triển khai đánh giá từ năm 2012 đến nay, đã có sự lan tỏa trong hệ thống, tạo chuyển biến tích cực trong tổ chức triển khai cải cách hành chính tại các bộ, ngành, địa phương. Đến nay, trên cơ sở Đề án của Bộ Nội vụ, đã có trên 50 tỉnh, thành phố đã ban hành Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của các sở, ngành, địa phương; có 4 bộ đã ban hành Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; qua đó tạo thành hệ thống đánh giá đồng bộ, thống nhất từ trung ương đến địa phương. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) đã được Bộ Nội vụ triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước từ năm 2017. Trên cơ sở đó, đến nay đã có trên 40 tỉnh, thành phố và một số bộ, ngành đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với các dịch vụ hành chính công, dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý. Bộ Y tế đã ban hành và triển khai Đề án đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công lập; tổ chức thực hiện đo lường sự hài lòng thường xuyên tại tất cả các bệnh viện công lập trên toàn quốc từ bệnh viện tuyến huyện trở lên; kết quả mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế đạt mục tiêu của Chính phủ giao với kết quả trung bình trên 85% vào năm 2020. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành và triển khai Đề án đo lường sự hài lòng

của người dân đối với dịch vụ giáo dục công lập. Từ năm 2015 đến nay, đã có hơn 23.000 dịch vụ đã được khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức tại 57/63 tỉnh, thành phố, với tổng số hơn 1,2 triệu mẫu phiếu khảo sát. Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2177/QĐ-BTP ngày 26 tháng 10 năm 2020 về Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với các dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp.

Ban Chỉ đạo đã thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao, bảo đảm tiến độ theo quy định của Chính phủ; đã tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị và trực tiếp xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nhằm kịp thời tháo gỡ những rào cản, vướng mắc trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính tại các bộ, ngành, địa phương; đã tổng hợp những mô hình, sáng kiến về cải cách hành chính để nghiên cứu, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ của cải cách hành chính tới cộng đồng xã hội.

Các bộ, ngành, địa phương đã ban hành một số lượng lớn các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính. Trung bình mỗi năm các bộ, ngành đã ban hành khoảng 1.846 văn bản; các tỉnh, thành phố ban hành khoảng 1.916 văn bản (Biểu đồ 1). Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của các bộ, ngành và địa phương đã đi vào nề nếp, có chất lượng hơn.



Biểu đồ 1: Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể, nhiều bộ, ngành và địa phương đã có những mô hình, sáng kiến mới được nghiên cứu, áp dụng có hiệu quả. Từ năm 2015 đến nay, các bộ, ngành đã có khoảng 461 mô hình, sáng kiến cải cách hành chính; các tỉnh có khoảng 6.124 mô hình, sáng kiến cải cách hành chính, trung bình mỗi năm, mỗi tỉnh có hơn 16 mô hình, sáng kiến. Một số mô hình tốt, như: Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện xây dựng và ban hành Chỉ số KPIs lĩnh vực quản lý và Chỉ số KPIs đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức thuộc bộ; Bộ Y tế đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kết nối các nhà thuốc tới Bộ Y tế, thông qua đó có thể quản lý chặt chẽ về chất lượng thuốc, giá thuốc và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; Bộ Công Thương xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm trực tuyến quản lý thông tin khoa học công nghệ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Tổng cục Thống kê; xây dựng quy trình theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan bộ; Bộ Xây dựng nghiên cứu, đưa vào sử dụng phần mềm quản lý năng lực hoạt động xây dựng, áp dụng rộng rãi trên 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tại các tỉnh có một số điển hình, như: Mô hình Văn phòng Phát triển kinh tế tỉnh Ninh Thuận; mô hình chuyên giao dịch vụ hành chính công sang Bưu điện của tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Hà Tĩnh...; giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng, khai thác thông tin trong giao dịch điện tử của Đảng ủy các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân (UBND) Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế; mô hình Tổng đài dịch vụ công qua đầu số 1022 của một số địa phương, như: Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Dương, Đồng Tháp, Thành phố Hồ Chí Minh... Nhiều tỉnh, thành phố cũng đã có các sáng kiến, như: Nhắn tin thông báo cho người dân về kết quả giải quyết thủ tục hành chính,

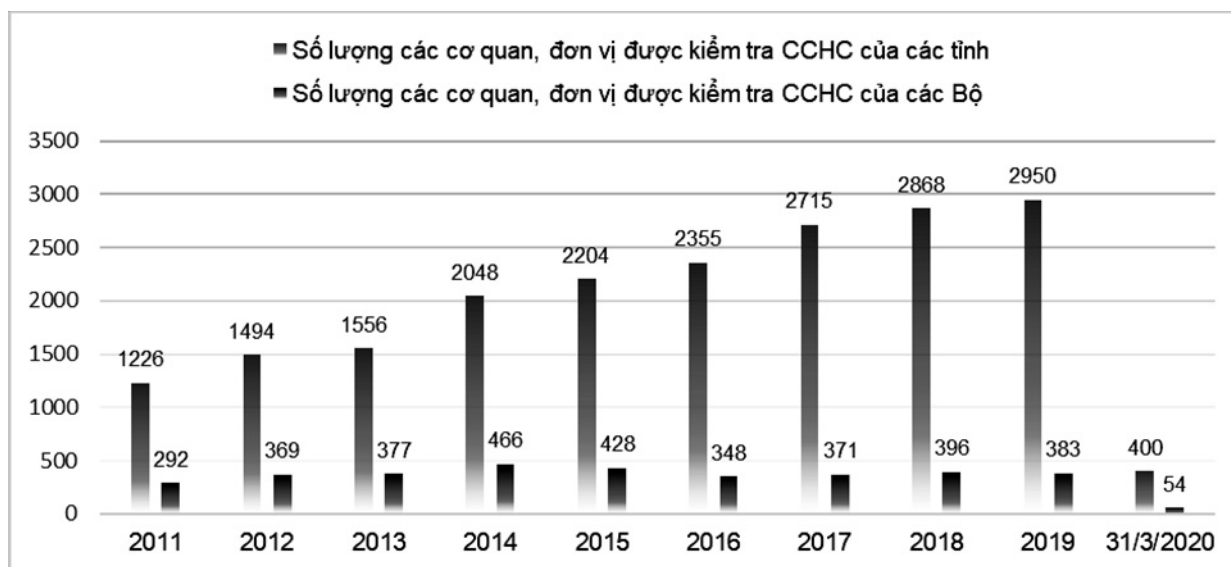
ngày nhận chế độ chính sách, quy định về thủ tục hành chính; xây dựng kênh tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức qua mạng xã hội (Zalo, Facebook, Youtube); giải quyết thủ tục hành chính lưu động ngày Thứ bảy vì dân; mô hình Hẹn giờ hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính tại nhà người dân; mô hình “cà phê doanh nhân”... Nhìn chung, đa số các mô hình, sáng kiến cải cách hành chính đã được triển khai, nhân rộng trong phạm vi của từng tỉnh, ngoài ra, cũng có nhiều mô hình, sáng kiến đã được các tỉnh tham khảo, áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương mình.

II. KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Chính phủ, Ban Chỉ đạo đã tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính tại các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan. Từ năm 2016 đến nay, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ đã kiểm tra cải cách hành chính hoặc kết hợp nội dung cải cách hành chính tại 3 bộ, 18 tỉnh; Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo đã kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ tại 11 bộ, 22 tỉnh; Thứ trưởng Bộ Nội vụ - Phó Trưởng ban Chỉ đạo kiểm tra cải cách hành chính tại 7 bộ, 12 tỉnh. Bộ Nội vụ và các thành viên Ban Chỉ đạo tại một số bộ, ngành cũng tổ chức các đoàn kiểm tra cải cách hành chính theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

Từ năm 2011 đến tháng 3 năm 2020, các bộ, ngành đã kiểm tra khoảng 3.484 cơ quan, đơn vị, trung bình 348 cơ quan, đơn vị một năm. Trong đó, năm 2014, các bộ, ngành đã kiểm tra với số lượng các cơ quan, đơn vị lớn nhất là 466 cơ quan, đơn vị. Tại các địa phương, đã có hơn 19.800 cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong cả giai đoạn 2011 - 2020. Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2019, số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra cũng tăng lên qua từng năm, trong đó, năm 2019 có số lượng đơn vị được kiểm tra nhiều nhất với số lượng 2.950 (Biểu đồ 2). Công tác kiểm tra đã có tác động tích cực, tạo sự chuyển biến trong nhận thức, hành động,

kỷ luật, kỷ cương của người đứng đầu, đội ngũ công chức, viên chức trong triển khai cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương và từng cơ quan, đơn vị trong hệ thống hành chính nhà nước. Nhiều vấn đề khó khăn, vướng mắc trong cải cách hành chính đã được xử lý kịp thời sau kiểm tra.



Biểu đồ 2: Số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC

III. THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN

Công tác phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể đã được các bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, như tổ chức học tập Chương trình tổng thể, thi tìm hiểu các nội dung của Chương trình tổng thể, trao đổi trong các buổi sinh hoạt chi bộ, giao ban nghiệp vụ chuyên môn; đưa nội dung Chương trình tổng thể vào đề thi tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, góp phần thống nhất, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức đối với việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính.

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam đã tích cực giúp Chính phủ, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về Chương trình tổng thể. Chuyên mục cải

cách hành chính của Đài Truyền hình Việt Nam đã nhận được sự quan tâm theo dõi, góp ý của xã hội, người dân và các cơ quan nhà nước.

Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính đã được các bộ, ngành và địa phương quan tâm thực hiện với nhiều nội dung, hình thức phong phú, thiết thực, như: Tổ chức các cuộc thi, diễn đàn, hội nghị tập huấn chuyên đề cải cách hành chính, hội nghị trực tuyến; tuyên truyền thông qua các loại hình báo chí và các hình thức phổ biến khác đã giúp cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp nhận thức được mục đích, ý nghĩa, nội dung của Chương trình tổng thể để cùng tham gia thực hiện, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm, những cách làm hay để phát huy hiệu quả của công tác cải cách hành chính. Trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2015, công tác tuyên truyền cải cách hành chính tại các bộ, ngành đạt trên 2.800 đợt, địa phương đạt 4.100 đợt. Giai đoạn 2015 - 2020, các bộ, ngành đã tổ chức khoảng 391 số lớp tập huấn chuyên đề cải cách hành chính. Các địa phương cũng đã tổ chức khoảng hơn 1.580 lớp tập huấn chuyên đề cải cách hành chính; phát hành hơn 35.800 bản tin chuyên đề cải cách hành chính trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

1. Mặt tích cực đạt được

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương đã tập trung chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, tạo động lực cải cách mạnh mẽ và lan tỏa trong toàn hệ thống, tạo được niềm tin cho xã hội, người dân, doanh nghiệp. Các thể chế, văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thể hiện quyết tâm của việc đổi mới mạnh mẽ công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa cải cách hành chính với xây dựng Chính phủ điện tử và kiểm soát thủ tục hành chính.

- Từ năm 2012 đến nay, việc đổi mới công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính dựa trên kết quả và tác động của cải cách hành chính đã được triển

khai một cách hiệu quả, nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý cải cách hành chính của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương. Việc công bố Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được tiến hành hàng năm, trở thành một công cụ tốt trong quản lý cải cách hành chính, được nhân rộng trong hệ thống cơ quan hành chính các cấp. Việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính hàng năm (SIPAS) đã trở thành thước đo đánh giá khách quan chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Tồn tại, hạn chế

- Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính vẫn chưa được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục ở một số bộ, ngành và một số địa phương. Một số bộ, ngành, địa phương triển khai còn hình thức, không hiệu quả.

- Công tác kiểm tra cải cách hành chính nhiều lúc chưa hiệu quả, còn hình thức. Việc thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính ở một số bộ, ngành, một số địa phương chưa thật sự tạo ra sức lan tỏa tới người dân, doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng xã hội nhận thức về cải cách hành chính, kết quả, tác động của cải cách hành chính. Việc nhân rộng những mô hình, sáng kiến, cách làm hay về cải cách hành chính còn hạn chế.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

I. CẢI CÁCH THỂ CHẾ

1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Đánh giá chung về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở Hiến pháp năm 2013

Công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đặc biệt là những luật, pháp lệnh triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 được các cơ quan nhà nước trong cả hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương quan tâm, chỉ đạo sát sao. Sau hơn 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp, trong số 90 luật, pháp lệnh được liệt kê tại Danh mục, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 70 luật, pháp lệnh, trong đó có các đạo luật mang tính nền tảng, rường cột của hệ thống pháp luật⁽¹⁾; còn 20 dự án luật, pháp lệnh nằm trong Danh mục nhưng chưa được ban hành⁽²⁾. Kết quả xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở Hiến pháp năm 2013 cùng với kết quả thực hiện những chủ trương của Đảng đối với công tác hoàn thiện pháp luật thời gian qua là nền tảng, một trong những trọng tâm của cải cách thể chế tại Chương trình tổng thể.

b) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các bộ, ngành và địa phương

Trong giai đoạn vừa qua, việc lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh có nhiều đổi mới. Từ việc xây dựng Chương trình nhiệm kỳ 05 năm (theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2008) đến xây dựng Chương trình hằng năm (theo Luật Ban hành VBQPPL năm 2015), tạo sự linh hoạt, tăng cường tính thích ứng nhanh của chính sách với các vấn đề kinh tế, xã hội. Bên cạnh đó, Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 được ban hành đã có nhiều điểm mới cơ bản, bổ sung nhiều quy định nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong xây dựng, ban hành VBQPPL, về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành VBQPPL theo

¹ Như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự...

² Trong số này, dự án Luật Thỏa thuận quốc tế đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020. Có 03 dự án luật, pháp lệnh đã đưa vào Chương trình, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến nhưng cần tiếp tục chuẩn bị nên chưa được ban hành (Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Luật về Hội, Pháp lệnh Đào tạo một số chức danh tư pháp).

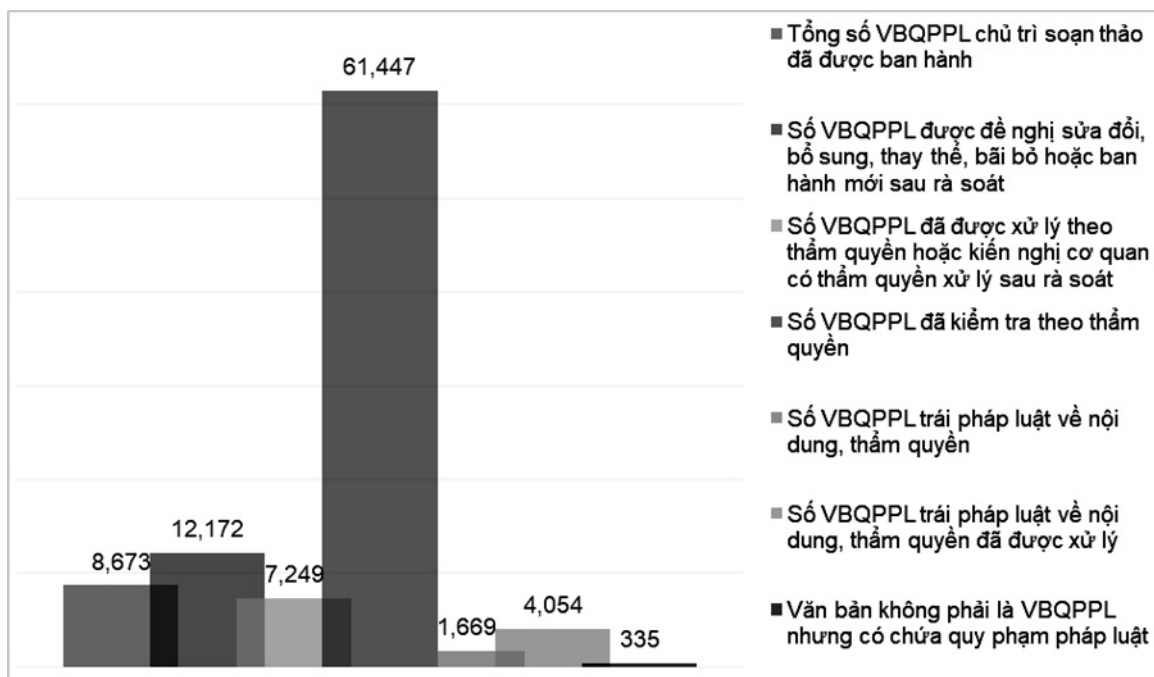
từng nhóm đối tượng... đã có ý nghĩa lớn trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật, cải cách thể chế⁽³⁾.

Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương đã thường xuyên quan tâm, tập trung chỉ đạo xây dựng các thể chế thuộc phạm vi quản lý, đã chú trọng việc xây dựng các dự thảo luật, pháp lệnh trình Quốc hội và ban hành một số lượng lớn nghị định hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh. Tổng số VBQPPL mà các bộ đã ban hành từ năm 2012 đến nay là hơn 8.600 văn bản (Biểu đồ 3). Một loạt các thể chế quan trọng được các bộ, ngành chủ trì nghiên cứu, xây dựng, trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, thông qua, đã tiếp tục bổ sung, hoàn thiện thể chế về các lĩnh vực, như: Kinh tế; dân sự; sở hữu; quyền tự do kinh doanh; nông nghiệp, nông thôn; tài nguyên và môi trường; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức, viên chức⁽⁴⁾ và nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Đồng thời, mỗi năm các bộ đã trình Chính phủ ban hành hơn 140 nghị định hướng dẫn, trên cơ sở đó, đã tạo lập khuôn khổ thể chế, pháp luật cơ bản cho sự vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bộ máy tổ chức nhà nước và hội nhập quốc tế. Số lượng VBQPPL của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ở giai đoạn 2016 - 2020 tăng so với giai đoạn 2011 - 2015 cho thấy trách nhiệm, vai trò của các tư lệnh ngành được đề cao theo sự phân cấp trong quản lý, chỉ đạo, điều hành đối với ngành, lĩnh vực⁽⁵⁾.

³ Ngày 18/6/2020, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 với nhiều nội dung đáng chú ý.

⁴ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức...

⁵ Giai đoạn 2011 - 2015, các bộ, cơ quan ban hành 3.017 thông tư, thông tư liên tịch; giai đoạn 2016 - 2020 (tính đến 31/5/2020) là 3.707 thông tư, thông tư liên tịch.

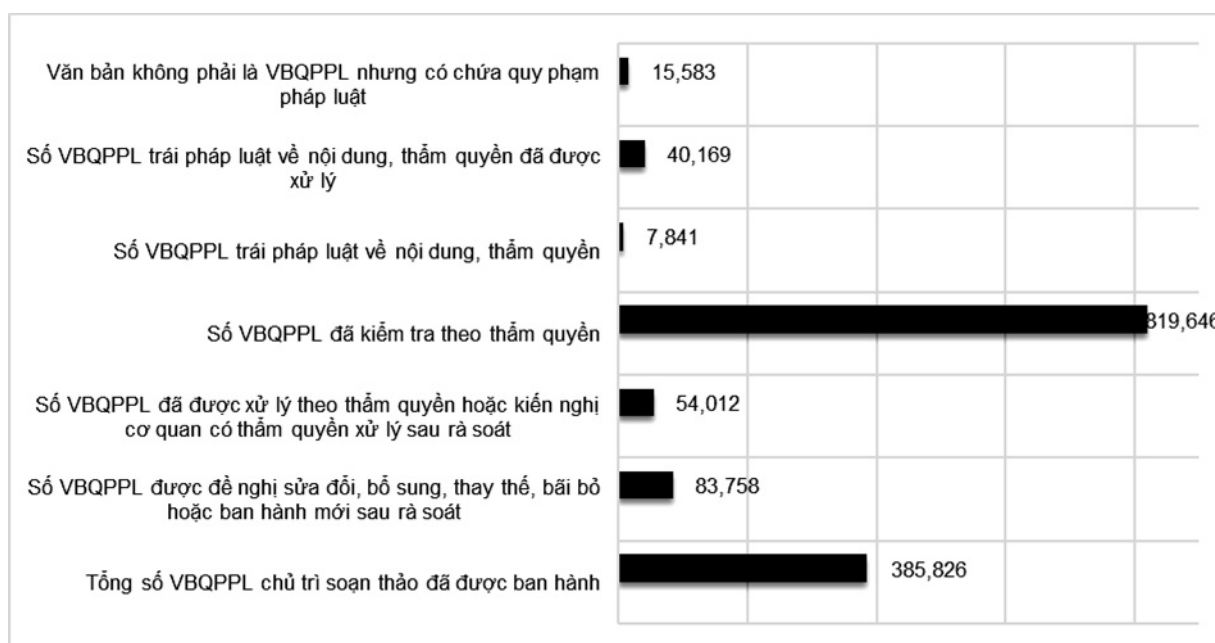


Biểu đồ 3: Kết quả đạt được của các bộ, ngành tại một số nội dung cải cách thể chế

Thể chế về tổ chức bộ máy của hệ thống hành chính tiếp tục được hoàn thiện, đổi mới. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan trong hệ thống hành chính được phân định rõ ràng, loại bỏ phần lớn sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; phân định rõ hoạt động của cơ quan hành chính với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thực hiện dịch vụ công. Thể chế về mối quan hệ giữa Nhà nước với người dân tiếp tục được quan tâm xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện trong thực tế, bảo đảm quyền, nghĩa vụ của người dân trong việc tham gia xây dựng bộ máy nhà nước. Thể chế hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, việc ghi nhận, đề cao các quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân tại các đạo luật trên các lĩnh vực từ dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội được tăng cường và củng cố mạnh mẽ nhất từ trước tới nay⁽⁶⁾, cơ bản phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

⁶ Tính từ năm 2014 đến hết tháng 6 năm 2019, Quốc hội đã bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới hơn 100 văn bản luật, pháp lệnh liên quan đến việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Trong số đó có những đạo luật cơ bản, quan trọng như Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Trưng cầu ý dân năm 2015, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Luật Trẻ em năm 2016, Luật Báo chí năm 2016, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Luật An ninh mạng năm 2018, Luật Đặc xá năm 2018, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Thi hành án hình sự năm 2019...

Chính quyền địa phương các cấp đã chú trọng việc ban hành và tổ chức thực hiện các VBQPPL theo thẩm quyền, mỗi năm ban hành hàng ngàn quyết định để cụ thể hóa các văn bản của trung ương cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, cụ thể, từ năm 2011 đến tháng 5 năm 2020, các tỉnh đã ban hành khoảng 385.826 VBQPPL (Biểu đồ 4). Tuy nhiên, so sánh giai đoạn 2016 - 2020 với giai đoạn 2011 - 2015 cho thấy, số lượng văn bản của chính quyền địa phương giảm, đặc biệt là ở cấp huyện và cấp xã khi mà các cấp này tập trung vào việc triển khai tổ chức thi hành pháp luật⁽⁷⁾.



Biểu đồ 4: Kết quả đạt được của các tỉnh, thành phố tại một số nội dung cải cách thể chế

Hàng năm, các bộ, ngành và địa phương đã ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và lĩnh vực trọng tâm của bộ, ngành và địa phương. Công tác rà soát, kiểm tra VBQPPL theo thẩm quyền cũng được chú trọng thực hiện. Giai đoạn 2011 - 2020,

⁷ Giai đoạn 2011 - 2015: Tổng số VBQPPL của địa phương là 283.546; giai đoạn 2016 - 2020 là 102.280 VBQPPL.

đã có khoảng hơn 12.172 VBQPPL tại các bộ, ngành và 83.758 VBQPPL tại các tỉnh được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát. Trong khi đó, số lượng VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát tại các bộ là 7.249 văn bản, tại các tỉnh là 54.012 văn bản.

Từ năm 2011 đến ngày 31 tháng 5 năm 2020, đã kiểm tra 61.447 VBQPPL của các bộ, ngành và 819.646 VBQPPL của các tỉnh. Thông qua kiểm tra, đã phát hiện tại các bộ, ngành: Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền là 1.669 VBQPPL, chiếm 1,67% so với tổng số văn bản được kiểm tra; số văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật là 374 văn bản, chiếm 0,61%. Trong khi đó, đã phát hiện tại các tỉnh: Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền là 7.841 VBQPPL, chiếm 0,96%/tổng số văn bản được kiểm tra; số văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật là 15.583 văn bản, chiếm 1,90%. Số lượng VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền tại các bộ, ngành đã được xử lý là 4.054 văn bản và tại các tỉnh đã được xử lý là 40.169 văn bản (Biểu đồ 3, Biểu đồ 4).

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được đổi mới với nhiều hình thức đa dạng đã gắn kết chặt chẽ hơn với công tác xây dựng, thi hành và bảo vệ pháp luật và thực hiện chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật hàng năm được các bộ, ngành, địa phương triển khai theo kế hoạch, với trọng tâm tập trung vào những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước, liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp.

Có thể nói, kết quả xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở Hiến pháp năm 2013 đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện 05 mục tiêu của Chương trình tổng thể, trong đó có việc hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại,

hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành của Chính phủ và của các cơ quan hành chính nhà nước; bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, của đất nước. Kết quả công tác xây dựng thể chế đã có tác động trực tiếp, tích cực và sâu rộng tới mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, tăng cường quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế và góp phần bảo vệ, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân. Hệ thống thể chế, pháp luật cũng đã đóng góp không nhỏ vào nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, giải phóng nguồn lực xã hội, phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng cho nền kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất. Thể chế, pháp luật cũng đã đóng góp quan trọng cho xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong 10 năm vừa qua.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Chất lượng một số đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh chưa cao; vẫn còn tình trạng các dự án, dự thảo văn bản sau khi đã đưa vào chương trình nhưng phải xin lùi, rút, điều chỉnh. Chất lượng văn bản, thể chế một số lĩnh vực còn hạn chế, ban hành nhưng không triển khai được hoặc khó triển khai, chông chéo với các văn bản pháp luật khác.

- Trong một số trường hợp, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về pháp luật còn chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn và nhiệm vụ quản lý nhà nước; một số bất cập của pháp luật được phát hiện, nhưng chậm sửa đổi, bổ sung.

- Việc ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, như tình trạng nợ ban hành văn bản chưa được khắc phục triệt để⁽⁸⁾.

⁸ Năm 2019, cuối năm nợ ban hành là 10 văn bản; đến thời điểm hiện tại, số văn bản nợ là 41 văn bản quy định chi tiết 13 luật đã có hiệu lực. Đến ngày 28/10/2020, số văn bản nợ ban hành là 21 văn bản quy định chi tiết 09 luật đã có hiệu lực.

b) Nguyên nhân

- Sự phối hợp giữa các cơ quan trong quy trình xây dựng pháp luật còn hạn chế, dẫn đến phản ứng chính sách đôi khi chưa linh hoạt.

- Tư duy xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật chưa được đổi mới, nhận thức còn hạn chế, chưa theo kịp với yêu cầu của thực tiễn. Một số cơ quan chưa coi trọng đúng mức việc lấy ý kiến của nhân dân, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, văn bản, hoặc chưa có phương pháp thực hiện phù hợp.

- Năng lực, trình độ của bộ phận soạn thảo, cán bộ pháp chế, cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Hoạt động của Ban soạn thảo, Tổ biên tập còn chưa thực sự hiệu quả, hình thức, còn phó thác cho cơ quan chủ trì soạn thảo. Bộ, ngành, địa phương chưa có Chiến lược dài hạn về phát triển nguồn nhân lực làm công tác xây dựng pháp luật, đặc biệt là chính sách đãi ngộ và sử dụng hiệu quả cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật sau khi đã được đào tạo, bồi dưỡng. Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật tại các bộ, ngành, địa phương thiếu ổn định, chưa thật sự chuyên nghiệp; thiếu về số lượng và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác xây dựng pháp luật trong giai đoạn hiện nay.

II. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**1. Kết quả đạt được****a) Cải cách quy định thủ tục hành chính**

Việc triển khai thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) theo 25 Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ được các bộ, ngành thực hiện đã cơ bản hoàn thành với việc đơn giản hóa 4.527/4.723 TTHC, đạt tỷ lệ 95,8% (tính đến tháng 12/2016). Việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm tra chuyên ngành, cắt giảm, đơn giản hóa dòng hàng đạt được nhiều kết

quả tích cực⁽⁹⁾. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP các năm 2016, 2017, 2018, Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2019, 2020 về thực hiện nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thể hiện quyết tâm chỉ đạo bãi bỏ các rào cản, quy định điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý, mở rộng khả năng tham gia thị trường, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng. Tháng 5 năm 2020, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 với mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh. Việc cải cách theo Chương trình này không chỉ là cắt giảm các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong các văn bản đã ban hành mà còn cả các quy định trong dự thảo VBQPPL; đồng thời cải cách mạnh mẽ việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Những quy định về kiểm soát TTHC cơ bản được hoàn thiện⁽¹⁰⁾. Song song với đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2013 về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 48/2013/NĐ-CP; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2015 về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC. Thủ tướng

⁹ Tính từ đầu nhiệm kỳ Chính phủ khóa XIV đến nay, đã cắt giảm 3.893/6.191 điều kiện kinh doanh; 6.776/9.926 danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành; tổng chi phí xã hội tiết kiệm được khoảng hơn 18 triệu ngày công/năm, tương đương hơn 6.300 tỷ đồng/năm. Các bộ, ngành đã có phương án xử lý 1.501 mặt hàng có chướng chéo về thẩm quyền.

¹⁰ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Nghị định số 09/2019/NĐ-CP về chế độ báo cáo trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 22/5/2020 về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. Luật Ban hành VBQPPL 2015, các văn bản quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật đã điều chỉnh 02 nội dung về thẩm quyền quy định TTHC và yêu cầu đánh giá tác động TTHC ngay từ giai đoạn lập đề nghị xây dựng cho đến giai đoạn soạn thảo VBQPPL.

Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Theo đó, yêu cầu siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; rà soát TTHC theo hướng tinh giản, loại bỏ ngay các thủ tục không cần thiết, rườm rà, khó thực hiện, gây phiền hà, sách nhiễu đối với người dân, doanh nghiệp.

Các nội dung rà soát, đơn giản hóa TTHC, đánh giá tác động các quy định về TTHC, đã được các bộ, ngành và địa phương nghiêm túc thực hiện. Hầu hết các bộ, ngành, địa phương đều ban hành Kế hoạch triển khai công tác kiểm soát TTHC, Kế hoạch rà soát TTHC trong từng năm, trong đó, đã thể hiện việc tích cực thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát TTHC từ khâu dự thảo, ban hành cho đến khâu triển khai thực hiện. Đặc biệt, nhiều bộ, địa phương quan tâm rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định TTHC, nhất là trong các ngành, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC mới, đảm bảo đơn giản, rõ quy trình, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Về tình hình, kết quả thực hiện Đề án Tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 (Đề án 896): Chính phủ đã ban hành 19 nghị quyết chuyên đề về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân trên các lĩnh vực quản lý để phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1.097 thủ tục, với 992 mẫu đơn và 399 tờ khai được quy định tại 332 VBQPPL, trong đó có nhiều phương án có đối tượng tác động lớn như: Bộ quản lý sổ hộ khẩu bằng giấy với khoảng hơn 18 triệu hộ gia đình được hưởng lợi từ phương án này. Bộ Công an, cơ quan chủ trì Đề án đã chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương rà soát, xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân theo Đề án 896 và phối hợp với các bộ, ngành, địa phương để triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 896. Về cấp số định danh cá nhân, đã mở rộng phạm vi các địa phương trên toàn quốc chính thức triển khai Hệ thống thông tin

đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp từ 38 tỉnh lên 63 tỉnh, thành phố (tăng 25 địa phương so với năm 2018). Triển khai hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch tại các địa phương và thực hiện cấp sổ định danh cá nhân cho hơn 1.391.018 trường hợp đăng ký khai sinh năm 2019 tại 680 Phòng Tư pháp cấp huyện và 10.696 UBND cấp xã tại 60 tỉnh, thành phố. Bộ Công an tiếp tục cấp thẻ Căn cước công dân từ đủ 14 tuổi trở lên tại 16 tỉnh, thành phố, từ năm 2012 đến nay đã cấp được 15 triệu trường hợp. Về kết quả thu thập dữ liệu, Bộ Công an đã tiến hành thu thập và scan. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2020, Bộ Công an đã thu thập được 83.387.773/87.306.594 (đạt 95,51%) phiếu thu thập thông tin dân cư DC01 và cập nhật được 7.436.291 phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư DC02.

b) Cải cách việc tổ chức thực hiện TTHC

Hầu hết TTHC được các bộ, ngành, địa phương từng bước chuẩn hóa, công bố, niêm yết, công khai tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC, công khai trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương và trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức truy cập tìm hiểu, thực hiện thuận tiện, chính xác.

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tập trung cấp tỉnh, cấp huyện đã được triển khai ở các địa phương theo các quy định pháp luật⁽¹¹⁾ và đạt được những kết quả tích cực, tạo sự chuyển biến rõ nét trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, đến nay 100% các bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành việc kiện toàn Bộ phận Một cửa các

¹¹ Ngày 25/3/2015 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg về Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương thay thế Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007. Tiếp theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (sau đây gọi tắt là Nghị định số 61/2018/NĐ-CP), thay thế Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg.

cấp để giải quyết TTHC, trong đó, 59/63 địa phương thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Đặc biệt có địa phương đã thực hiện việc giải quyết TTHC theo phương thức “5 tại chỗ” như Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh. Nhiều địa phương đã gắn kết chặt chẽ giữa việc thiết lập một cửa “vật lý” và một cửa điện tử để tạo thuận lợi cho người thực hiện như: Hà Nội, Quảng Ninh, Đồng Nai, Cà Mau, Bình Dương...

Về kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: Trong năm 2019, các cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã tiếp nhận 261.860.415 hồ sơ, đã giải quyết 257.661.527 hồ sơ, đạt 98,4%; số hồ sơ đang xem xét, giải quyết 3.424.588 hồ sơ, trong đó, hồ sơ quá hạn là 784.078 hồ sơ, chiếm 22,9% số hồ sơ đang giải quyết. Các bộ, các tỉnh cũng đã bước đầu triển khai thực hiện quy định việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

Các nội dung gắn kết đồng bộ giữa cải cách TTHC và xây dựng Chính phủ điện tử cũng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận với cơ quan hành chính nhà nước. Việc thực hiện cơ chế một cửa quốc gia và kết nối kỹ thuật một cửa ASEAN đối với một số lĩnh vực đã được các bộ, ngành triển khai, đạt được nhiều kết quả tích cực.

Việc triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ cũng đạt được những kết quả tích cực. Năm 2019, cả nước có 14.505.494 lượt hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI, trong đó, dịch vụ tiếp nhận hồ sơ là 2.175.824 lượt, dịch vụ trả kết quả là 12.329.670 lượt, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, tổ chức, tạo tiền đề thúc đẩy triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3 và 4.

Trong năm 2019 - 2020, một số hệ thống thông tin nền tảng của Chính phủ điện tử đã được chính thức vận hành (Trục liên thông văn bản quốc gia khai trương ngày 12 tháng 3 năm 2019; Hệ thống thông tin họp và xử lý công việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khai trương ngày 24 tháng 6 năm 2019; Cổng

Dịch vụ công quốc gia khai trương ngày 09 tháng 12 năm 2019; Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khai trương ngày 19 tháng 8 năm 2020). Các nền tảng, hệ thống thông tin trên được đưa vào vận hành giúp tiết kiệm chi phí xã hội ước tính trên 9.900 tỷ đồng/năm và nhận được phản hồi tích cực của xã hội.

c) Về tình hình, kết quả cung cấp DVCTT mức độ 3, 4

Số lượng, chất lượng DVCTT mức độ 3,4 cung cấp cho người dân, doanh nghiệp tại các bộ, ngành, địa phương được nâng cao, với số lượng hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 ngày càng tăng. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương các năm 2017, 2018, 2019¹² (kết quả chi tiết tại nội dung Hiện đại hóa hành chính).

d) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính

Các bộ, ngành và địa phương đã thực hiện tương đối tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định. Bên cạnh đó, Hệ thống tiếp nhận, trả lời kiến nghị của doanh nghiệp và người dân trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ tại các địa chỉ: <http://doanhnghiep.chinhphu.vn> và <http://nguoidan.chinhphu.vn>; <http://pakn.dichvucong.gov.vn> trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia đã được vận hành và đưa vào khai thác, qua đó giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nắm bắt được các vấn đề phát sinh từ phía người dân và cộng đồng doanh nghiệp để chỉ đạo, giải quyết kịp thời, nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính⁽¹³⁾. Thực hiện Chi

¹² Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017, Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018.

¹³ Theo kết quả thống kê từ năm 2011 đến tháng 12/2016, các bộ, ngành, địa phương đã tiếp nhận trên 8.000 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, trong đó đã xử lý trên 7.000 phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền, đạt trên 85%. Kể từ khi thành lập (ngày 03/4/2017 đến hết năm 2020), Hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân đã tiếp nhận 4.855 phản ánh, kiến nghị, trong đó, 1.914 phản ánh, kiến nghị thuộc phạm vi xem xét, xử lý; đã tiến hành phân loại và chuyển 1.364 phản ánh, kiến nghị đến các bộ, ngành, địa phương để xem xét, xử lý theo thẩm quyền; số còn lại đang đề nghị người dân bổ sung thông tin làm cơ sở xem xét, chuyển xử lý; các bộ, ngành, địa phương đã trả lời 1.153/1.364 phản ánh, kiến nghị (đạt 84,53%).

thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, chỉ tính từ tháng 6 năm 2015 đến hết năm 2016, có hơn 626 cuộc đối thoại của 16 bộ, ngành và hơn 686 cuộc đối thoại của 31 địa phương đã được tổ chức để tiếp nhận hơn 1.530 kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Đây là một việc làm thiết thực, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng cải cách hành chính, thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân.

Thủ tướng Chính phủ đã kiện toàn Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ làm Chủ tịch Hội đồng; thành lập các Ban công tác giúp cải thiện các chỉ số môi trường kinh doanh. Tính chung trong cả giai đoạn từ 2016 - 2020, Hội đồng đã chủ trì 42 phiên họp, hội nghị đối thoại, để lắng nghe, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp theo thẩm quyền hoặc báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng xử lý đối với 500 vấn đề, nhóm vấn đề.

đ) Sáng kiến, giải pháp cải cách TTHC

Trong giai đoạn vừa qua, một số sáng kiến cải cách TTHC nổi bật, như: Đề án thực hiện liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí⁽¹⁴⁾; giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) để đơn giản hóa quy định TTHC trong việc cấp, quản lý, sử dụng thẻ Bảo hiểm y tế và quản lý khám chữa bệnh, thanh toán bảo hiểm y tế⁽¹⁵⁾; chuẩn hóa quy trình, thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành trong triển khai Cơ chế một cửa quốc gia⁽¹⁶⁾... Một số sáng kiến điển hình về cải cách TTHC của các tỉnh được ghi nhận, như: Mở rộng việc thực hiện mô hình một cửa trong cung ứng dịch vụ công tại các đơn vị sự nghiệp; mô hình hẹn giờ thực hiện TTHC tại nhà

¹⁴ Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁵ Công văn số 4173/VPCP-KSTT ngày 08/5/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của TTCP.

¹⁶ Văn bản số 4798/BC-VPCP ngày 23/5/2018 của Văn phòng Chính phủ; Văn bản số 4979/VPCP-KSTT ngày 28/5/2018 của Văn phòng Chính phủ.

người dân; xây dựng và đưa vào vận hành ứng dụng khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên mạng internet và di động (nền tảng Android và iOS) để thuận lợi cho người dân, tổ chức tra cứu, tiếp cận thông tin; xây dựng phần mềm tra cứu giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; mô hình “phi địa giới hành chính” trong các lĩnh vực đất đai, tư pháp, giao thông vận tải, y tế...

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- TTHC trên một số lĩnh vực vẫn còn nhiều và rườm rà, phức tạp; vẫn còn có tình trạng một số luật và các văn bản hướng dẫn thi hành luật không thống nhất, có nhiều điểm bất đồng, quy định về TTHC chưa đầy đủ các bộ phận cấu thành, chưa chặt chẽ, gây khó khăn cho cả cơ quan chức năng và người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giải quyết TTHC. Việc đánh giá tác động và lấy ý kiến đơn vị kiểm soát TTHC đối với các dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC chưa được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc; việc thẩm định quy định TTHC trong một số VBQPPL còn chưa chặt chẽ dẫn đến TTHC trên nhiều lĩnh vực vẫn còn phức tạp và tiếp tục là rào cản trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân.

- Việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh, cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành chưa triệt để, còn tình trạng “cài cắm”, “biến tướng”, phát sinh thêm TTHC, điều kiện kinh doanh trong các dự thảo VBQPPL, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thậm chí trong một số văn bản hành chính.

- Một số bộ, ngành Trung ương còn chậm công bố các nhóm TTHC thực hiện liên thông hoặc công bố không đầy đủ. Tình trạng các cơ quan hành chính nhà nước các cấp không niêm yết công khai các TTHC, hoặc niêm yết các TTHC đã cũ, hết hiệu lực thuộc phạm vi giải quyết của mình. Danh mục TTHC trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC còn chưa được các bộ, ngành, địa phương đồng bộ đầy đủ trên Trang/Cổng Thông tin điện tử của bộ, cơ quan, địa phương.

- Tình trạng những nhiễu, gây phiền hà của một bộ phận cơ quan hành chính nhà nước, một số cán bộ, công chức trong giải quyết công việc, TTHC cho người dân, doanh nghiệp còn xảy ra, ví dụ như: còn có hiện tượng yêu cầu thêm nhiều giấy tờ không được quy định trong bộ hồ sơ khi giải quyết các TTHC tại một số cơ quan, đơn vị, gây bức xúc cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Tình trạng trễ hẹn trong giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ vẫn còn phổ biến ở một số lĩnh vực trọng tâm, như: Đất đai, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội...

- Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, giao dịch thanh toán trực tuyến còn thấp so với số lượng hồ sơ trực tiếp và giao dịch thanh toán bằng tiền mặt; kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công còn yếu; số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp bộ, cấp tỉnh còn lớn (cấp bộ chiếm tới 58% tổng số TTHC); việc xã hội hóa dịch vụ hành chính công đã triển khai ở một số ngành, lĩnh vực (đăng kiểm; công chứng,...) nhưng vẫn còn chậm, thiếu tổng thể.

- Việc liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm quản lý chuyên ngành của một số bộ, ngành với phần mềm một cửa điện tử của các địa phương còn bất cập, gây khó khăn cho các địa phương trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Một số địa phương công khai số liệu, kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm còn chưa đúng so với kết quả kiểm tra thực tế.

b) Nguyên nhân

- Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện tại nhiều bộ, ngành, địa phương chưa quyết liệt, sát sao; chưa có sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước về cải cách TTHC. Công tác tham mưu phục vụ sự chỉ đạo điều hành của đơn vị chuyên trách còn chậm và chưa sát với yêu cầu nhiệm vụ¹⁷; một số nơi triển khai còn hình thức, đối phó, chưa quyết liệt.

¹⁷ Việc chậm sửa đổi, bổ sung quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc công bố, công khai TTHC đã ảnh hưởng đến kết quả triển khai công tác kiểm soát TTHC của bộ, ngành, địa phương nói riêng cũng như kết quả cải cách thủ tục hành chính nói chung trên phạm vi cả nước.

- Nhận thức, tư duy về quản lý hành chính nhà nước trong một bộ phận cán bộ, công chức chậm được đổi mới, chưa thấy được hết ý nghĩa, tầm quan trọng và đòi hỏi cấp bách của cải cách TTHC; chưa xây dựng được cơ chế kiểm tra, giám sát có hiệu quả đối với đội ngũ công chức thực thi công vụ trong tiếp nhận và giải quyết TTHC trong các lĩnh vực ở từng cấp, từng ngành.

- Nguồn lực để bảo đảm thực thi nhiệm vụ chưa tương ứng với yêu cầu, nhất là về yếu tố con người (nhiều nơi không bố trí đủ biên chế, chế độ đãi ngộ cho những người làm công tác cải cách TTHC chưa được quan tâm đúng mức; việc tổ chức Bộ phận Một cửa hiện nay vẫn còn phân tán, gắn liền với địa giới hành chính; cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu công việc; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính còn hạn chế, phổ biến nhất là tình trạng các phần mềm chuyên ngành, ngành dọc không kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công của địa phương).

(Xem tiếp Công báo số 571 + 572)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng